

Bản án số: 125/2022/DS-PT
Ngày 11 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn L1, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q – Do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn L1 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 16/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 11/12/2019 dương lịch), vì cần tiền chi xài ông L1 có hỏi vay của bà số tiền 90.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng tương đương mỗi tháng đóng 1.800.000 đồng tiền lãi. Khi nhận tiền vay ông L1 có ký giấy nhận nợ và cam kết trả lãi hàng tháng, đồng thời tranh thủ trả tiền vốn vay trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, từ khi vay tiền ông L1 không trả lãi, đến ngày 13/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 07/01/2020 dương lịch) ông L1 trả được số vốn 20.000.000 đồng và đến ngày 16/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 10/01/2020 dương lịch) ông L1 tiếp tục vay thêm 20.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng ông L1 còn nợ của bà 90.000.000 đồng, nay chị yêu cầu ông L1 trả số nợ 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/2/2019 âm lịch (nhằm ngày 10/01/2020 dương lịch) cho đến ngày xét xử hôm nay với mức lãi suất 2%/tháng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Ngô Văn L1 có ý kiến trình bày như sau:

Ông thừa nhận có hỏi vay của chị L số tiền 90.000.000 đồng, về thời gian vay ông không nhớ rõ. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày chứ không phải 2%/tháng như lời trình bày của chị L. Sau đó ông đã trả cho bà L 20.000.000 đồng. Ông xác định đã đóng lãi cho chị L nhiều lần nhưng việc đóng lãi không làm giấy tờ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/12/2021 ông đồng ý trả cho chị L số tiền là 90.000.000 đồng và đề nghị trả lãi theo mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày chứ không đồng ý lãi suất 2%/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay ông xác định chỉ còn nợ chị L 70.000.000 đồng theo giấy nhận nợ là chứng cứ của vụ án chứ không đồng ý trả số nợ 90.000.000 đồng, không đồng ý mức lãi suất 2%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Buộc ông Ngô Văn L1 phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 15.531.050 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm năm mươi đồng), tổng cộng là 85.531.050 đồng (Tám mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm năm mươi đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ chị Nguyễn Thị L không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu ông Ngô Văn L1 trả số tiền 52.408.950 đồng (Năm mươi hai triệu, bốn trăm linh tám nghìn, chín trăm năm mươi đồng), trong đó:

137.940.000 đồng (Tổng số tiền yêu cầu) – 85.531.050 đồng (Phần yêu cầu được chấp nhận) = 52.408.950 đồng (Phần yêu cầu không được chấp nhận).

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 bị đơn ông Ngô Văn L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông được trả phần nợ gốc là 70.000.000 đồng mà ông nợ chị L và do ông đã cao tuổi nên không có khả năng để chi trả thêm phần lãi phát sinh là 15.531.050 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu ông L1 trả tiền gốc là 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Ngô Văn L1 thống nhất ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị L là đồng ý trả tiền gốc là 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn ông Ngô Văn L1 trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm chị L yêu cầu ông L1 trả tiền gốc 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, ông L1 đồng ý trả cho chị L số tiền gốc là 70.000.000 đồng và đồng ý không tính tiền lãi. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị L với bị đơn cho ông Ngô Văn L1 tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: ông L1 đồng ý trả số tiền gốc 70.000.000 đồng cho chị L và không yêu cầu tính lãi.

Sự thỏa thuận giữa chị L với ông L1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án dân

sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu một phần án phí không được chấp nhận là $67.740.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.387.000 \text{ đồng}$ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.195.000 đồng. Do đó, chị L phải nộp thêm số tiền 192.000 đồng.

Bị đơn Ngô Văn L1 được miễn án phí do ông L1 là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí.

Án phí phúc thẩm: ông Ngô Văn L1 được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L với bị đơn ông Ngô Văn L1 như sau:

Bị đơn ông Ngô Văn L1 trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị L số tiền gốc 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu một phần án phí không được chấp nhận là $67.740.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.387.000 \text{ đồng}$ (ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.195.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004546 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Do đó, chị L phải nộp thêm số tiền 192.000 đồng (một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Bị đơn ông Ngô Văn L1 được xét miễn toàn bộ số tiền án phí là 4.276.552 đồng (Bốn triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng) do ông Ngô Văn L1 là người cao tuổi thuộc đối tượng được xét miễn tiền án phí.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn L1 là người cao tuổi và là người có công cách mạng được xét miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên